

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÁ HIẾN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 31
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 31

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến tiền thân là Nhà máy Gạch Bá Hiến thuộc Công ty Gốm Xây dựng Xuân Hòa trực thuộc Tổng Công ty Thủy Tinh và Gốm Xây dựng (nay là Tổng Công ty Viglacera - CTCP) được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 14/08/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Bá Hiến - Huyện Bình Xuyên - Tỉnh Vĩnh Phúc.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quý Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Hải Thuật	Thành viên
Ông Trương Quốc Tuấn	Thành viên
Bà Đỗ Thị Xuân Hòa	Thành viên
Ông Đinh Quang Huy	Thành viên

Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Quốc Tuấn	Giám đốc
----------------------	----------

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Cẩm Vân	Trưởng Ban
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Trường	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

**Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến**

Địa chỉ: Xã Bá Hiến - Huyện Bình Xuyên - Tỉnh Vĩnh Phúc

---

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Tường Quốc Tuấn**

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 02 năm 2017.

Số: 239/2017/BC.KTTC-AASC.KT5

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến được lập ngày 10 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Tại thời điểm 31/12/2016, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 31.802 triệu VND; lỗ lũy kế đến 31/12/2016 là 29.528 triệu VND; vốn chủ sở hữu âm 10.803 triệu VND. Những sự kiện này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục như đã được trình bày tại thuyết minh số 1.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số 13 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước rằng Công ty chưa thực hiện trích trước tiền lãi phạt chậm nộp thuế theo quy định, việc này phụ thuộc vào quyết định của Cơ quan quản lý thuế.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Cát Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm

toán Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017.

**Nguyễn Duy Quảng**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm

toán Số: 3363-2015-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>23.291.292.878</b>	<b>16.496.875.702</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>290.232.798</b>	<b>1.539.015.005</b>
111	1. Tiền		290.232.798	1.539.015.005
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.015.566.261</b>	<b>2.974.478.727</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	3.863.857.864	3.792.947.338
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	733.270.775	769.520.775
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	3.539.730.943	3.406.517.960
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.121.293.321)	(5.124.593.321)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	130.085.975
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>19.741.280.187</b>	<b>11.503.230.899</b>
141	1. Hàng tồn kho		21.016.933.219	12.778.883.931
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.275.653.032)	(1.275.653.032)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>244.213.632</b>	<b>480.151.071</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	194.381.801	403.441.490
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		49.831.831	49.831.831
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	-	26.877.750
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>20.998.834.108</b>	<b>22.814.077.340</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>19.289.915.807</b>	<b>21.934.458.582</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	19.289.915.807	21.934.458.582
222	- Nguyên giá		56.726.140.209	57.318.179.299
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(37.436.224.402)	(35.383.720.717)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>169.072.561</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		169.072.561	-
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.539.845.740</b>	<b>879.618.758</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.539.845.740	879.618.758
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>44.290.126.986</b>	<b>39.310.953.042</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>55.093.827.811</b>	<b>50.257.110.633</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>55.093.827.811</b>	<b>50.257.110.633</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	7.091.977.643	6.029.709.086
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		17.614.055	61.238.227
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	10.636.830.803	9.724.673.113
314	4. Phải trả người lao động		1.854.947.913	1.374.151.874
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	849.468.974	708.372.139
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	9.467.266.259	11.060.657.663
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	25.154.498.164	21.277.084.531
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		21.224.000	21.224.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(10.803.700.825)</b>	<b>(10.946.157.591)</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>(10.803.700.825)</b>	<b>(10.946.157.591)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		10.000.130.000	10.000.130.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>10.000.130.000</i>	<i>10.000.130.000</i>
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		1.364.112.282	1.364.112.282
415	3. Cổ phiếu quỹ		(280.000.000)	(280.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		7.640.929.865	7.640.929.865
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(29.528.872.972)	(29.671.329.738)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>(30.489.696.434)</i>	<i>(29.978.567.106)</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>960.823.462</i>	<i>307.237.368</i>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>44.290.126.986</b>	<b>39.310.953.042</b>

Nguyễn Văn Phương

Người lập biểu

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Văn Phương

Phụ trách kế toán



Tường Quốc Tuấn

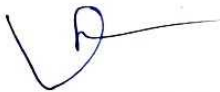
Giám đốc



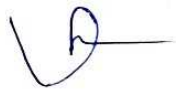
## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	53.224.754.552	61.412.861.787
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.224.754.552	61.412.861.787
11	3. Giá vốn hàng bán	19	44.040.417.522	52.104.734.675
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.184.337.030	9.308.127.112
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	2.118.043	3.848.038
22	6. Chi phí tài chính	21	2.285.378.220	2.159.129.726
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.285.378.220	2.159.129.726
25	7. Chi phí bán hàng	22	2.576.050.648	3.278.796.230
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	3.208.625.415	3.542.917.612
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.116.400.790	331.131.582
31	10. Thu nhập khác	24	495.072.115	374.236.353
32	11. Chi phí khác	25	650.649.443	398.130.567
40	12. Lợi nhuận khác		(155.577.328)	(23.894.214)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		960.823.462	307.237.368
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>960.823.462</u>	<u>307.237.368</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	988	316



Nguyễn Văn Phương  
Người lập biểu  
Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 02 năm 2017



Nguyễn Văn Phương  
Phụ trách kế toán



Trương Quốc Tuấn  
Giám đốc



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		960.823.462	307.237.368
	2. Điều chỉnh cho các khoản		4.783.412.043	4.854.732.700
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		2.644.542.775	2.840.288.989
03	- Các khoản dự phòng		(3.300.000)	(140.837.977)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(143.208.952)	(3.848.038)
06	- Chi phí lãi vay		2.285.378.220	2.159.129.726
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.744.235.505	5.161.970.068
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(10.909.784)	(50.424.750)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(8.238.049.288)	2.068.499.140
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(10.779.060)	963.498.603
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(451.167.293)	(396.479.181)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.133.662.311)	(2.116.074.461)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.100.332.231)	5.630.989.419
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(169.072.561)	(28.091.595)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		141.090.909	
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.118.043	3.848.038
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(25.863.609)	(24.243.557)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		67.360.869.473	61.808.642.675
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(63.483.455.840)	(67.832.970.736)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.877.413.633	(6.024.328.061)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.248.782.207)	(417.582.199)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.539.015.005	1.956.597.204
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	290.232.798	1.539.015.005



*VP*

Nguyễn Văn Phương

Người lập biểu

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 02 năm 2017

*VP*

Nguyễn Văn Phương

Phụ trách kế toán

Tương Quốc Tuấn

Giám đốc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến tiền thân là Nhà máy Gạch Bá Hiến thuộc Công ty Gốm Xây dựng Xuân Hòa trực thuộc Tổng Công ty Thủy Tinh và Gốm Xây dựng (nay là Tổng Công ty Viglacera - CTCP) được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 14/08/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500222558 (số cũ là 1903000039) do Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp đăng ký lần đầu ngày 24/09/2003, thay đổi lần thứ sáu ngày 13/05/2014.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại : Xã Bá Hiến - Huyện Bình Xuyên - Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty là 10.000.130.000 đồng (Mười tỷ một trăm ba mươi nghìn đồng chẵn), tương đương với 1.000.013 cổ phần. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất công nghiệp

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất vật liệu từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải, mua bán vật liệu xây dựng.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2016, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 31.802 triệu VND; lỗ lũy kế đến 31/12/2016 là 29.528 triệu VND; vốn chủ sở hữu âm 10.803 triệu VND. Những sự kiện này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do sau đây:

- Công ty là công ty con của Tổng Công ty Viglacera nên được Tổng Công ty cam kết hỗ trợ về vốn, công nghệ, nhân sự để đảm bảo hoạt động liên tục của Công ty.
- Công ty xác nhận là đã nhận được những cam kết chính thức từ các thành viên góp vốn về việc cung cấp cho Công ty các hỗ trợ tài chính cần thiết để có thể thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ nợ đến hạn trong thời gian ít nhất 12 tháng kể từ ngày Giám đốc phê chuẩn Báo cáo tài chính.

Do đó, các vấn đề nêu trên không ảnh hưởng đáng kể đến giả định về hoạt động của Công ty.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.4. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tính theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.6. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

## 2.7. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.8. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.9. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

## 2.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại Hội đồng Cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 2.13. Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 2.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

### 2.15. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí vay vốn. Khoản này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### 2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	267.091.246	384.840.225
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.141.552	1.154.174.780
	<b>290.232.798</b>	<b>1.539.015.005</b>

**4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.863.857.864	3.792.947.338
	<b>3.863.857.864</b>	<b>3.792.947.338</b>

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Kiến trúc Bách Việt	553.896.575	-	553.896.575	-
- Công ty Tiếp thị và Truyền thông Sao Mai	100.500.000	100.500.000	100.500.000	100.500.000
- Các đối tượng khác	78.874.200	-	115.124.200	-
	<b>733.270.775</b>	<b>100.500.000</b>	<b>769.520.775</b>	<b>100.500.000</b>



## 6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	977.831.875	-	753.111.655	-
Phải thu tiền ứng thực hiện công trình	472.000.000	472.000.000	472.000.000	472.000.000
Phải thu Công ty CP Thiết bị Máy công trình	765.575.000	765.575.000	765.575.000	765.575.000
Phải thu khác	1.324.324.068	312.224.817	1.415.831.305	312.224.817
	<b>3.539.730.943</b>	<b>1.549.799.817</b>	<b>3.406.517.960</b>	<b>1.549.799.817</b>

## 7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty CP Thiết bị Máy công trình	765.575.000	-	765.575.000	-
Công nợ khác	5.035.910.446	680.192.125	5.035.910.446	676.892.125
	<b>5.801.485.446</b>	<b>680.192.125</b>	<b>5.801.485.446</b>	<b>676.892.125</b>

## 8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.857.245.427	-	6.576.658.173	-
Công cụ, dụng cụ	37.772.700	-	40.827.480	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.248.176.905	1.273.312.770	5.004.411.225	1.273.312.770
Thành phẩm	1.873.738.187	2.340.262	1.156.987.053	2.340.262
	<b>21.016.933.219</b>	<b>1.275.653.032</b>	<b>12.778.883.931</b>	<b>1.275.653.032</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	155.659.162	385.962.684
- Các khoản khác	38.722.639	17.478.806
	<b>194.381.801</b>	<b>403.441.490</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	755.134.306	485.818.944
- Chi phí sửa chữa lớn liên quan nhiều kỳ kế toán	680.952.804	393.799.814
- Các khoản khác	103.758.630	-
	<b>1.539.845.740</b>	<b>879.618.758</b>

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	25.082.267.414	24.404.272.552	7.311.841.699	519.797.634	57.318.179.299
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(592.039.090)	-	(592.039.090)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>25.082.267.414</b>	<b>24.404.272.552</b>	<b>6.719.802.609</b>	<b>519.797.634</b>	<b>56.726.140.209</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	13.933.266.268	16.635.211.026	4.471.029.804	344.213.620	35.383.720.717
- Khấu hao trong năm	1.146.783.491	858.347.109	579.762.479	59.649.696	2.644.542.775
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(592.039.090)	-	(592.039.090)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.080.049.759</b>	<b>17.493.558.135</b>	<b>4.458.753.193</b>	<b>403.863.316</b>	<b>37.436.224.402</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	11.149.001.146	7.769.061.526	2.840.811.895	175.584.014	21.934.458.582
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>10.002.217.655</b>	<b>6.910.714.417</b>	<b>2.261.049.416</b>	<b>115.934.318</b>	<b>19.289.915.807</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 16.926.661.111 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.531.633.946 VND.

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>		
- Trụ chống đập tường nhà kho than	47.073.769	-
- Sửa chữa đường xe phà	121.998.792	-
	<u>169.072.561</u>	<u>-</u>

## 12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

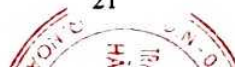
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo số dư lớn</b>				
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Đình Phong	3.250.139.890	3.250.139.890	1.885.445.400	1.885.445.400
- Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Viglacera	361.272.345	361.272.345	361.272.345	361.272.345
- Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng và thương mại Ngọc Minh	925.917.038	925.917.038	-	-
- Công ty TNHH Than Khoáng Sản - Vĩnh Phúc	-	-	873.218.780	873.218.780
- Công ty TNHH Thăng Long	122.235.484	122.235.484	1.058.334.374	1.058.334.374
- Phải trả cho các đối tượng khác	2.432.412.886	2.432.412.886	1.851.438.187	1.851.438.187
	<b>7.091.977.643</b>	<b>7.091.977.643</b>	<b>6.029.709.086</b>	<b>6.029.709.086</b>
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)</i>	<b>811.157.505</b>	<b>811.157.505</b>	<b>651.354.845</b>	<b>651.354.845</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	7.008.110.502	2.077.866.074	2.108.422.013	-	6.977.554.563
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	517.642.358	189.174.160	-	-	706.816.518
Thuế thu nhập cá nhân	26.877.750	-	82.290.981	21.577.987	-	33.835.244
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	2.198.920.253	676.486.085	324.618.000	-	2.550.788.338
Các loại thuế khác	-	-	370.836.140	3.000.000	-	367.836.140
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	13.780.000	13.780.000	-	-
	<b>26.877.750</b>	<b>9.724.673.113</b>	<b>3.410.433.440</b>	<b>2.471.398.000</b>	<b>-</b>	<b>10.636.830.803</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Công ty chưa thực hiện trích trước tiền lãi phạt chậm nộp thuế phát sinh từ năm 2011 đến nay.



**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	420.675.071	268.959.162
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	243.930.357	248.049.432
- Chi phí phải trả khác	184.863.546	191.363.545
	<b>849.468.974</b>	<b>708.372.139</b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	100.263.023
Kinh phí công đoàn	246.012.936	117.601.756
Bảo hiểm xã hội	2.725.234.833	4.497.742.596
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	4.822.922.708	4.822.922.708
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	491.070.900	491.070.900
Phải trả người lao động phụ cấp độc hại	224.527.829	248.155.329
Công ty CP Viglacera Hạ Long - Phí chuyển giao công nghệ	500.000.000	500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	457.497.053	282.901.351
	<b>9.467.266.259</b>	<b>11.060.657.663</b>

**Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

Bảo hiểm xã hội	2.725.234.833	4.497.742.596
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	4.822.922.708	4.822.922.708
Công ty CP Viglacera Hạ Long - Phí chuyển giao công nghệ	500.000.000	500.000.000
	<b>8.048.157.541</b>	<b>9.820.665.304</b>

Công ty đang trong giai đoạn sản xuất kinh doanh khó khăn và bị lỗ nhiều năm nên dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh không đủ để chi trả các khoản nợ về Bảo hiểm xã hội cũng như khoản phí chuyển giao công nghệ phải trả Công ty CP Viglacera Hạ Long. Riêng khoản tiền phải trả Tổng Công ty Viglacera - CTCP là khoản tiền cho vay và một số khoản nợ khác Tổng Công ty chưa thu để hỗ trợ Công ty trong giai đoạn khó khăn.



**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	20.477.862.997	20.477.862.997	67.360.869.473	(62.883.455.840)	24.955.276.630	24.955.276.630
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên <sup>(1)</sup>	16.890.041.229	16.890.041.229	66.573.369.473	(58.508.134.072)	24.955.276.630	24.955.276.630
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	3.387.821.768	3.387.821.768	637.500.000	(4.025.321.768)	-	-
- Vay ngắn hạn đối tượng khác	200.000.000	200.000.000	150.000.000	(350.000.000)	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	799.221.534	799.221.534	-	(600.000.000)	199.221.534	199.221.534
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên <sup>(2)</sup>	799.221.534	799.221.534	-	(600.000.000)	199.221.534	199.221.534
	<b>21.277.084.531</b>	<b>21.277.084.531</b>	<b>67.360.869.473</b>	<b>(63.483.455.840)</b>	<b>25.154.498.164</b>	<b>25.154.498.164</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên <sup>(2)</sup>	799.221.534	799.221.534	-	(600.000.000)	199.221.534	199.221.534
	<b>799.221.534</b>	<b>799.221.534</b>	<b>-</b>	<b>(600.000.000)</b>	<b>199.221.534</b>	<b>199.221.534</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(799.221.534)	(799.221.534)	-	600.000.000	(199.221.534)	(199.221.534)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	-	-





**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

<sup>(1)</sup> Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên theo các hợp đồng tín dụng dưới sự điều chỉnh của hợp đồng hạn mức số 2016/367167/HĐTD ngày 20 tháng 5 năm 2016 với một số điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 28.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay: Theo từng hợp đồng cụ thể;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi của bên vay và tài sản đảm bảo nợ vay tại Ngân hàng;
- Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2016 là: 24.955.276.630 VND.

<sup>(2)</sup> Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 10/01/2012 với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 3.723.894.505 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư cho dự án chuyển đổi đường điện cao thế và sân bê tông thành phẩm;
- Thời hạn vay: Kể từ ngày nhận được món vay đầu tiên là 36 tháng;
- Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất cho vay thỏa thuận, được thả nổi và điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng tại từng thời kỳ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Toàn bộ doanh thu chuyển qua tài khoản của bên vay tại ngân hàng. Thế chấp tài sản thuộc dự án: Đầu tư chuyển đổi đường điện cao thế và sân bê tông thành phẩm;
- Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2016 là: 199.221.534 VND. Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 199.221.534 VND.

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	10.000.130.000	1.364.112.282	(280.000.000)	7.640.929.865	(29.978.567.106)	(11.253.394.959)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	307.237.368	307.237.368
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>10.000.130.000</b>	<b>1.364.112.282</b>	<b>(280.000.000)</b>	<b>7.640.929.865</b>	<b>(29.671.329.738)</b>	<b>(10.946.157.591)</b>
Số dư đầu năm nay	10.000.130.000	1.364.112.282	(280.000.000)	7.640.929.865	(29.671.329.738)	(10.946.157.591)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	960.823.462	960.823.462
Giảm khác (*)	-	-	-	-	(818.366.696)	(818.366.696)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>10.000.130.000</b>	<b>1.364.112.282</b>	<b>(280.000.000)</b>	<b>7.640.929.865</b>	<b>(29.528.872.972)</b>	<b>(10.803.700.825)</b>

(\*) Đây là khoản truy thu thuế từ năm 2011 - 2015 và các khoản phạt thuế theo biên bản thanh tra thuế ngày 24/10/2016 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty Viglacera - CTCP	5.100.066.300	51,00%	5.100.066.300	51,00%
Vốn góp của cổ đông khác	4.620.063.700	46,20%	4.620.063.700	46,20%
- Ông Đinh Hải Quang	650.520.000	6,51%	650.520.000	6,51%
- Các cổ đông khác	3.969.543.700	39,69%	3.969.543.700	39,69%
Vốn góp tương ứng với cổ phiếu quỹ	280.000.000	2,80%	280.000.000	2,80%
<b>Cộng</b>	<b>10.000.130.000</b>	<b>100%</b>	<b>10.000.130.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10.000.130.000	10.000.130.000
- Vốn góp đầu năm	10.000.130.000	10.000.130.000
- Vốn góp cuối năm	10.000.130.000	10.000.130.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.013	1.000.013
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.013	1.000.013
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.013	1.000.013
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	28.000	28.000
- Cổ phiếu phổ thông	28.000	28.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	972.013	972.013
- Cổ phiếu phổ thông	972.013	972.013

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**e) Các quỹ của công ty**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	7.640.929.865	7.640.929.865
	<b>7.640.929.865</b>	<b>7.640.929.865</b>

**18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán gạch, ngói	53.224.754.552	61.412.861.787
	<b>53.224.754.552</b>	<b>61.412.861.787</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	44.040.417.522	52.135.572.652
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(30.837.977)
	<b>44.040.417.522</b>	<b>52.104.734.675</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.118.043	3.848.038
	<b>2.118.043</b>	<b>3.848.038</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.285.378.220	2.159.129.726
	<b>2.285.378.220</b>	<b>2.159.129.726</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.046.780.643	2.909.881.463
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.807.360	6.807.360
Chi phí khác bằng tiền	522.462.645	362.107.407
	<b>2.576.050.648</b>	<b>3.278.796.230</b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.096.758.876	2.237.605.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.582.598	123.678.120
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(3.300.000)	(110.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	73.171.779
Chi phí khác bằng tiền	1.028.583.941	1.218.462.665
	<b>3.208.625.415</b>	<b>3.542.917.612</b>

#### 24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	141.090.909	
Thu từ bán phế phẩm, thanh lý vật tư	-	30.450.000
Thu từ xử lý công nợ	-	4.072.163
Thu tiền điện, nước sinh hoạt	133.744.771	130.797.864
Tiền phạt thu được	19.444.850	-
Ghi nhận thu nhập từ kiểm kê thừa	156.180.244	-
Các khoản khác	44.611.341	208.916.326
	<b>495.072.115</b>	<b>374.236.353</b>

#### 25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Phạt chậm nộp bảo hiểm	520.554.379	384.635.178
Các khoản khác	130.095.064	13.495.389
	<b>650.649.443</b>	<b>398.130.567</b>



## 26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	960.823.462	307.237.368
Các khoản điều chỉnh tăng	520.554.379	384.635.178
- Tiền phạt vi phạm hành chính	520.554.379	384.635.178
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.481.377.841)	(691.872.546)
- Chuyển lỗ các năm trước	(1.481.377.841)	(691.872.546)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	189.174.160	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	517.642.358	517.642.358
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>706.816.518</b>	<b>517.642.358</b>

## 27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	960.823.462	307.237.368
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	960.823.462	307.237.368
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	972.013	972.013
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>988</b>	<b>316</b>

## 28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.352.998.911	20.691.500.564
Chi phí nhân công	18.128.265.605	21.214.883.326
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.644.542.775	2.840.288.989
Hoàn nhập dự phòng	(3.300.000)	(110.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.425.562.933	4.784.776.785
Chi phí khác bằng tiền	6.237.540.175	5.874.198.881
	<b>49.785.610.399</b>	<b>55.295.648.545</b>

**29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**a) Số tiền đi vay thực thu trong năm**

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

**b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong năm phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

**30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**31. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.



### 32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Mua nguyên vật liệu</b>			
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Cùng Công ty mẹ	205.132.600	-
<b>Chi phí in lịch</b>			
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Công ty mẹ	24.000.000	19.200.000
<b>Vay vốn</b>			
Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Viglacera	Cùng Công ty mẹ	-	100.000.000
<b>Chi phí gia công khuôn ngói</b>			
Công ty CP Viglacera Từ Liêm	Cùng Công ty mẹ	-	50.500.000

Số dư tại ngày kết thúc năm kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>			
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Công ty mẹ	80.418.000	-
Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	95.624.000	95.624.000
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm	Cùng Công ty mẹ	93.302.000	93.302.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Viglacera	Cùng Công ty mẹ	361.272.345	361.272.345
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Cùng Công ty mẹ	151.308.160	71.923.500
Trường Cao đẳng nghề Viglacera	Cùng Công ty mẹ	29.233.000	29.233.000
<b>Phải trả khác</b>			
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Công ty mẹ	4.822.922.708	4.822.922.708
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	Cùng Công ty mẹ	500.000.000	500.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	263.187.000	274.000.000

### 35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Văn Phương  
Người lập biểu

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 02 năm 2017



Nguyễn Văn Phương  
Phụ trách kế toán



Tương Quốc Tuấn  
Giám đốc